

Bản án số: 55/2021/DS - ST

Ngày: 23 - 11 - 2021

V/v kiện chia di sản thừa kế và yêu cầu
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Bà Nguyễn Thị Hòe

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 11 năm 2021, tại phòng xét xử án dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2021, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1792/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số A, đường Nguyễn Gia T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt

- Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Xuân H

Địa chỉ: Số B, đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

+ Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

+ Sở T tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H – Phó Giám đốc Văn phòng Đ tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (ông H có đơn đề nghị xử vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt
+ Ông Lê Thanh N, sinh năm 1950
Địa chỉ: Số B, tổ C, thôn Tr, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt
+ Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1959
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).
+ Anh Lê Thanh D, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.
+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; có mặt.
Đại diện theo ủy quyền của anh D, chị H: Bà Phạm Thị Huyền Tr
Địa chỉ: Số A, đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Lê Thị Ch (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Bố mẹ nguyên đơn là cụ Lê Văn T, chết năm 1984 và cụ Dương Thị D, chết năm 1997; hai cụ sinh được 04 người con, gồm: Ông Lê Thanh N, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị B và bà Lê Thị Ch; hai cụ không có con riêng, không nuôi con nuôi, khi chết không để lại di chúc. Di sản hai cụ để lại 924m² đất (200m² đất ở và 724m² đất vườn), tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số P 677747 ngày 18/10/1999 mang tên cụ Dương Thị D. Năm 2015, bà Lê Thị B, ông Lê Thanh N và bà Lê Thị Ng lập văn bản phân chia thừa kế đã ký tên bà để tặng cho bà Lê Thị B toàn bộ di sản thừa kế (văn bản này được UBND xã H chứng thực ngày 06/7/2015). Căn cứ văn bản phân chia thừa kế này bà Lê Thị B được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số CB 129833 ngày 07/9/2015 với diện tích lại 924m² đất (200m² đất ở và 724m² đất vườn), tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ngày 02/10/2015, bà Lê Thị B tặng cho vợ chồng con trai là anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H toàn bộ diện tích đất thừa kế; ngày 07/10/2015 anh D, chị H được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số CB 082441; ngày 15/6/2020 anh D, chị H tách thành hai thửa đất và được Sở T tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CX 236771 với diện tích 516,7m² đất (100m² đất ở và 416,7m² đất vườn), tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B và GCNQSDĐ số CX 236772 với diện tích 407,3m² đất (100m² đất ở và 307,3m² đất vườn), tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B. Năm 2021 nguyên đơn mới biết bị đơn được cấp GCNQSDĐ trên diện tích đất của cụ D, cụ T. Để

đảm bảo quyền lợi của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế được UBND xã H chứng thực ngày 06/7/2015; hủy GCNQSDĐ của UBND huyện B, của Sở T tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Lê Thị B và vợ chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H; chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị B (viết tắt bị đơn) thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm cụ T, cụ D chết và số con của hai cụ; hai cụ không có con riêng, con nuôi. Di sản thừa kế của hai cụ có 924m² đất và đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Dương Thị D. Sau khi bố mẹ chết, bị đơn là người trong giữ di sản thừa kế. Năm 2015, các đồng thừa kế trong đó có nguyên đơn đã nhất trí ký vào văn bản phân chia thừa kế có UBND xã H chứng thực, sau đó bị đơn được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ, rồi tặng cho vợ chồng con trai Lê Thanh D, Lê Thị H như nguyên đơn trình bày. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy văn bản phân chia thừa kế và yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND huyện B, của Sở T tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Lê Thị B và vợ chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H; chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, bị đơn không nhất trí. Bởi lẽ, Văn bản phân chia thừa kế của các đồng thừa kế có nguyên đơn tham gia đã nhất trí ký tên giao cho bị đơn được hưởng toàn bộ di sản thừa kế được UBND xã H chứng thực ngày 06/7/2015 đúng theo quy định; sau đó bị đơn đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ đúng trình tự, thủ tục, bị đơn đã tặng cho vợ chồng con trai toàn bộ diện tích đất là người thứ ba ngay tình và đúng quy định của Luật đất đai. Mặt khác thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết nên bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại Bản tự khai ngày 02/8/2021 của ông Lê Thanh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án được UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng thực, trình bày: Ông nhất trí với toàn bộ trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên, năm chết, các con của cụ T, cụ D, quan hệ huyết thống, di sản thừa kế. Đối với văn bản phân chia thừa kế năm 2015, theo ông N thì lúc đó có mặt nguyên đơn và đã ký vào văn bản này. Ông Lê Thanh N không nhất trí việc khởi kiện của nguyên đơn và vẫn giữ nguyên quan điểm nhường kỹ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Lê Thị B.

Tại Bản tự khai ngày 26/7/2021 của bà Lê Thị Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án được UBND xã H chứng thực trình bày: Bà nhất trí với toàn bộ trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên, năm chết, các con của cụ T, cụ D; quan hệ huyết thống, di sản thừa kế của hai cụ. Việc lập văn bản phân chia thừa kế có mặt nguyên đơn và đã ký vào văn bản này. Bà Lê Thị Ng không nhất trí việc khởi kiện của nguyên đơn và vẫn giữ nguyên quan điểm nhường kỹ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Lê Thị B.

Anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Năm 2015, anh chị được bà Lê Thị B là mẹ đẻ anh Lê Thanh D tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 14 xã H; ngày 07/10/2015 anh chị được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số CB 082441. Ngày 15/6/2020 anh, chị làm đơn xin tách thành hai thửa đất và được Sở T tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CX 236771 với diện tích 516,7m² đất (100m² đất ở và 416,7m² đất vườn), tại thửa đất số 302 và GCNQSDĐ số CX 236772 với diện tích 407,3m² đất (100m² đất ở và 307,3m² đất vườn), tại thửa đất số 303 đều thuộc tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B. Việc anh, chị được bà Lê Thị B tặng cho quyền sử dụng đất là ngay tình, đúng quy định của pháp luật nên anh chị không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

UBND huyện B đã được triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng.

Tại Công văn số 667/VPĐKĐĐ ngày 15/11/2021 của Sở T tỉnh Quảng Bình trình bày: Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 14 xã H được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số CB 082441 ngày 07/10/2015 cho anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H. Ngày 27/5/2020 anh, chị làm đơn xin tách thành hai thửa đất, ngày 15/6/2020 anh chị được Sở T tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CX 236771 với diện tích 516,7m² đất (100m² đất ở và 416,7m² đất vườn), tại thửa đất số 302 và GCNQSDĐ số CX 236772 với diện tích 407,3m² đất (100m² đất ở và 307,3m² đất vườn), tại thửa đất số 303 đều thuộc tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B. Việc tách thửa và cấp đổi GCNQSDĐ cho anh D, chị H được thực hiện đúng quy định nên đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

UBND xã H đã được triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, cụ thể bị đơn và vợ chồng anh D, chị H nhất trí giao cho nguyên đơn sở hữu 184,8m² đất (50m² đất ở, 134,8m² đất vườn) tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H; nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế được UBND xã H chứng thực ngày 06/7/2015 và GCNQSDĐ của UBND huyện B, của Sở T tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Lê Thị B và vợ chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho nguyên đơn sở hữu 184,8m² đất (50m² đất ở, 134,8m² đất vườn) tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H. Chấp nhận việc nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế được UBND xã H chứng thực ngày 06/7/2015 và hủy GCNQSDĐ của UBND huyện B, của Sở T tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Lê

Thị B và vợ chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H để đình chỉ giải quyết. Buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí vụ kiện.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND huyện B; của Sở T tỉnh Quảng Bình đã cấp cho bà Lê Thị B và vợ chồng chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H; hủy văn bản phân chia di sản thừa kế và chia di sản thừa kế. Theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Trong quá trình thu thập chứng cứ anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H trình bày anh chị có thể chấp GCNQSDĐ số CX 236772 ngày 15/6/2020 với diện tích 407,3m² đất (100m² đất ở và 307,3m² đất vườn), tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B mang tên anh chị cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ để vay vốn nên Tòa án đã đưa đơn vị này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh D thừa nhận đã tắt toán hợp đồng tín dụng này vào ngày 19/11/2021 và có xuất trình bản chính GCNQSDĐ này nên Quỹ tín dụng nhân dân Đ không còn liên quan trong vụ án này.

[3] Cụ Lê Văn T, chết năm 1984; cụ Dương Thị D, chết năm 1997. Di sản hai cụ để lại 924m² đất (200m² đất ở và 724m² đất vườn), tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số P 677747 ngày 18/10/1999 mang tên cụ Dương Thị D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ D đang trong hạn luật định nên chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết.

[4] Theo hướng dẫn tại giải đáp số 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì: Kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9

- 1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10 - 9 - 1990. Do đó thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ T đã hết hạn luật định nên không xem xét. Mặt khác, năm 1999 UBND huyện Bồ Trạch cấp GCNQSDĐ lần đầu số P 677747 cho cụ D với diện tích 924m² đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 10 xã H các đồng thừa kế của cụ T không có ý kiến gì nên toàn bộ di sản thừa kế thuộc quyền sở hữu của cụ D.

[5] Các đồng thừa kế của cụ T, cụ D thừa nhận hai cụ sinh được 04 người con, gồm: Ông Lê Thanh N, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị B và bà Lê Thị Ch; hai cụ không có con riêng, không nuôi con nuôi, khi chết không để lại di chúc. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì 04 người con đẻ của cụ D thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của cụ D để lại. Bà Lê Thị B là người có công chăm sóc, nuôi dưỡng cụ D và giữ gìn di sản thừa kế sau khi cụ D chết cho đến nay, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 618 của Bộ luật dân sự thì bà B được chia thêm 01 kỷ phần thừa kế.

[6] Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa các đồng thừa kế của cụ D thừa nhận Cụ không để lại di chúc, di sản thừa kế của cụ có 924m² đất (200m² đất ở và 724m² đất vườn), tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 10 xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số P 677747 ngày 18/10/1999 mang tên cụ Dương Thị D. Như phân tích tại mục [4] thì di sản thừa kế của cụ D được chia thành 05 kỷ phần như sau: Ông Lê Thanh N được hưởng 01 kỷ phần 184,8m² đất (40m² đất ở và 144,8m² đất vườn) giá 7.905.600 đồng; bà Lê Thị Ng được hưởng 01 kỷ phần 184,8m² đất (40m² đất ở và 144,8m² đất vườn) giá 7.905.600 đồng; bà Lê Thị Ch được hưởng 01 kỷ phần 184,8m² đất (40m² đất ở và 144,8m² đất vườn) giá 7.905.600 đồng; bà Lê Thị B được hưởng 02 kỷ phần 373,6m² đất (80m² đất ở và 289,6m² đất vườn) giá 15.811.200 đồng. Tại Bản tự khai ông Lê Thanh N và bà Lê Thị Ng thỏa thuận nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Lê Thị B.

[7] Quá trình thu thập chứng cứ bà Lê Thị B trình bày, năm 2015 các đồng thừa kế gồm bà Lê Thị B, ông Lê Thanh N, bà Lê Thị Ng và bà Lê Thị Ch lập văn bản phân chia thừa kế tặng cho bà Lê Thị B toàn bộ di sản thừa kế (văn bản này được UBND xã H chứng thực ngày 06/7/2015). Căn cứ văn bản phân chia thừa kế này bà Lê Thị B được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số CB 129833 ngày 07/9/2015 với diện tích lại 924m² đất (200m² đất ở và 724m² đất vườn), tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký, tại Quyết định giám định số 1183/GĐ – PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh

Quảng Bình kết luận chữ ký Ch tại văn bản phân chia thừa kế và chữ Ch tại các mẫu so sánh không phải do một người ký ra.

[8] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì ngày 02/10/2015 bà Lê Thị B tặng cho vợ chồng con trai là anh Lê Thanh D và chị Lê Thị H toàn bộ diện tích đất thừa kế và ngày 07/10/2015 anh D, chị H được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số CB 082441; ngày 15/6/2020 anh D, chị H tách thành hai thửa đất và được Sở T tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CX 236771 với diện tích 516,7m² đất (100m² đất ở và 416,7m² đất vườn), tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B và cấp GCNQSDĐ số CX 236772 với diện tích 407,3m² đất (100m² đất ở và 307,3m² đất vườn), tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B. Như phân tích tại mục [2] thì anh D, chị H đã thế chấp thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H để vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân Đ, đến tháng ngày 19/11/2021 đã tắt toán hợp đồng tín dụng này.

[9] Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị B và vợ chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H thỏa thuận giao cho nguyên đơn 184,8m² đất (50m² đất ở và 134,8m² đất vườn) tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B, diện tích đất giao cho bà Ch như sau: Phía Bắc giáp diện tích đất còn lại của anh D, chị H từ điểm 7 đến điểm 10 dài 24,01 mét; phía Tây giáp đường giao thông liên xã từ điểm 9 đến điểm 10 dài 5,5 mét; phía Nam giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 8 đến điểm 9 dài 15,53 mét; phía Đông giáp thửa đất số 230 từ điểm 7 đến điểm 8 dài 15,63 mét. Đối với phần di sản thừa kế bà B được hưởng, bà B nhất trí giao lại toàn bộ di sản này cho vợ chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H sở hữu.

[10] Từ phân tích tại các mục [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8] và [9] việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này.

[11] Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế được UBND xã H chứng thực ngày 06/7/2015; hủy GCNQSDĐ của UBND huyện B, của Sở T tỉnh Quảng Bình cấp cho bị đơn và anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối nên chấp nhận để đình chỉ giải quyết.

[12] Về chi phí tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá di sản thừa kế có tranh chấp và chi phí giám định, chi phí hết 6.800.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 443.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn phải chịu 1.533.000 đồng (bao gồm cả án phí của ông N, bà Ng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 157, Điều 165, Điều 227 và điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 97, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 618, khoản 1 Điều 623 và điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của bà Lê Thị Ch về việc yêu cầu chia thừa kế 924m² đất tại hai thửa đất số 302 và 303, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị B và vợ chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H về việc giao cho bà Lê Thị Ch sở hữu 184,8m² đất (50m² đất ở và 134,8m² đất vườn) tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H, huyện B. Diện tích đất giao cho bà Lê Thị Ch như sau: Phía Bắc giáp diện tích đất còn lại của anh D, chị H tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 14 xã H từ điểm 7 đến điểm 10 dài 24,01 mét; phía Tây giáp đường giao thông liên xã từ điểm 9 đến điểm 10 dài 5,5 mét; phía Nam giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 8 đến điểm 9 dài 15,53 mét; phía Đông giáp thửa đất số 230 từ điểm 7 đến điểm 8 dài 15,63 mét (có sơ đồ diện tích đất kèm theo bản án).

3. Bà Lê Thị Ch và vợ chồng anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền quyền để đăng ký biến động sử dụng đất theo quy định.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Ch về việc hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 06/7/2015; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 129833 ngày 07/9/2015 và số CB 082441 ngày 07/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Lê Thị B và anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 236771 và số CX 236772 ngày 15/6/2020 của Sở T tỉnh Quảng Bình cấp cho anh Lê Thanh D, chị Lê Thị H. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Ch tự nguyện chịu toàn bộ 6.800.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bà Ch đã nộp đủ).

6. Về án phí: Bà Lê Thị Ch phải chịu 443.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002444 ngày 06/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Bà Lê Thị B phải chịu 1.533.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/11/2021. Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

